

Số: /2026/QĐ-UBND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại
do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai
và Luật Đê điều số 60/2020/QH14;*

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách
trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị
định số 76/2024/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập
và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
63/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;*

*Căn cứ Quyết định số 118/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về
chính sách hỗ trợ ngư dân khắc phục rủi ro thiên tai trên biển;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn
thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra;*

*Căn cứ Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành
phố quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên
địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
14809/TTr-SNNMT-CCTL ngày 21 tháng 5 năm 2026 và ý kiến thẩm định của
Sở Tư pháp tại Báo cáo số 4993/BC-STP ngày 11 tháng 5 năm 2026.*

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định Quy định về chính sách
và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ
Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 7 năm 2026 và thay thế cho Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Ban Thường vụ Đảng ủy UBND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ VN Thành phố;
- Cục Quản lý đề điều và PCTT;
- Cục KTVB và TCTH pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Các Đoàn thể TP, các cơ quan Báo, Đài TP;
- VPUB: CVP, các PVP;
- Trung tâm TTĐT Thành phố (đăng tải);
- Phòng ĐT;
- Lưu: VT, (ĐT/ĐL).

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Minh Thạnh

QUY ĐỊNH

**Chính sách và mức hỗ trợ khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các mức hỗ trợ về chính sách trợ giúp cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa đá, sương mù, mưa lớn, lũ (xả lũ), ngập lụt, nước dâng, sạt lở đất, sụt lún đất, nắng nóng, hạn hán, xâm nhập mặn, cháy rừng do tự nhiên, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác.

Đối với chính sách hỗ trợ tàu cá, ngư cụ áp dụng cho các tổ chức, cá nhân khai thác, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển, ven biển, hải đảo khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra; không thuộc các lực lượng của Nhà nước tham gia cứu người và tài sản bị rủi ro do thiên tai trên biển.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra; hỗ trợ tổ chức, cá nhân có tàu cá, ngư cụ bị thiệt hại do thiên tai gây ra và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Riêng đối với đối tượng bị thiệt hại về sản xuất nông nghiệp (cây trồng, vật nuôi, thủy sản, sản xuất muối) áp dụng theo chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 9/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Nhà nước hỗ trợ và chia sẻ cùng người dân khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra.

2. Hỗ trợ kịp thời, trực tiếp bằng tiền hoặc hiện vật để nhanh chóng khôi phục sản xuất, ổn định cuộc sống.

3. Công bằng, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, định mức.

4. Đối với nhà ở phải đảm bảo nguồn gốc pháp lý rõ ràng và không nằm trong diện xây dựng trái phép, không phép, lấn chiếm; không vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình (đường bộ, đường sắt, đường thủy, thủy lợi, đê điều, hồ đập).

5. Đối với các tàu hậu cần, tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản phải thực hiện đúng quy định của Nhà nước về khai thác thủy sản, không khai thác thủy sản bằng các loại nghề cấm theo quy định của pháp luật; chấp hành đúng các quy định về an toàn tàu cá và có đầy đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật (giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá còn thời hạn, giấy phép khai thác thủy sản còn thời hạn, sổ danh bạ thuyền viên).

6. Đối với những chính sách và mức hỗ trợ trong Quy định này được viện dẫn áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; khi các văn bản này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Chương II

CÁC CHÍNH SÁCH VÀ MỨC HỖ TRỢ CHO CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI GÂY RA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Điều 3. Hỗ trợ chi phí mai táng, điều trị người bị thương nặng

1. Hộ gia đình có người chết, mất tích được xem xét hỗ trợ chi phí mai táng với mức tối thiểu bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức mai táng cho người chết do không có người nhận trách nhiệm tổ chức mai táng thì được xem xét, hỗ trợ chi phí mai táng theo chi phí thực tế, tối thiểu bằng 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị thương nặng tại nơi cư trú được xem xét hỗ trợ với mức tối thiểu bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc thì cơ quan, tổ chức trực tiếp cấp cứu, chữa trị có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu nơi cấp cứu, chữa trị cho đối tượng quyết định hỗ trợ theo mức tối thiểu bằng 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu xem xét, quyết định.

3. Mức chuẩn trợ giúp xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng theo mức 650.000 đồng/tháng được quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về mức chuẩn trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trường hợp văn bản cơ quan cấp trên quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội cao hơn mức chuẩn của Thành phố Hồ Chí Minh thì áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo văn bản cơ quan cấp trên quy định cho đến khi Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức chuẩn mới.

Điều 4. Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai mà không còn nơi ở thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức tối thiểu 40.000.000 đồng/hộ.

2. Hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ thiên tai gây ra được xem xét hỗ trợ chi phí di dời nhà ở với mức tối thiểu 30.000.000 đồng/hộ.

3. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà ở bị hư hỏng nặng do thiên tai mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối thiểu 20.000.000 đồng/hộ.

Điều 5. Hỗ trợ lương thực và nhu yếu phẩm thiết yếu

1. Hỗ trợ 15 kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt hỗ trợ cho đối tượng thiếu đói do thiên tai.

2. Hỗ trợ nhu yếu phẩm thiết yếu

Đối tượng có hoàn cảnh khó khăn do thiên tai mà mất nhà ở và không có khả năng tự bảo đảm các nhu cầu thiết yếu thì được xem xét hỗ trợ: lều bạt, nước uống, thực phẩm, chăn màn, xoong nồi, chất đốt, xường máy và một số mặt hàng thiết yếu khác phục vụ nhu cầu trước mắt, tại chỗ.

Điều 6. Hỗ trợ khắc phục thiệt hại về tàu cá, ngư cụ

1. Đối với vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu

a) Trường hợp vỏ tàu (thân tàu), máy tàu bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được phải thay mới để tái sản xuất:

Vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 200.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 400.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có vỏ tàu (thân tàu) bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của vỏ tàu (thân tàu) mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 100.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 200.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có máy tàu bị mất hoặc hư hỏng không thể khắc phục được: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 100.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 200.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

b) Trường hợp vỏ tàu (thân tàu), máy tàu bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên, nhưng chưa đến mức thiệt hại toàn bộ, buộc phải thay thế, sửa chữa để tái sản xuất, phần hỗ trợ này được tính chung cho cả chi phí trực vớt phương tiện (thân tàu, máy tàu):

Vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên: số tiền hỗ trợ được tính bằng 30% của tỷ lệ thiệt hại nhân với giá trị của vỏ tàu (thân tàu) và máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 100.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 200.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có vỏ tàu (thân tàu) bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên: số tiền hỗ trợ được tính bằng 30% của tỷ lệ thiệt hại nhân với giá trị của vỏ tàu (thân tàu) mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 50.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Trường hợp chỉ có máy tàu bị hư hỏng nặng, tỷ lệ thiệt hại từ 50% trở lên: số tiền hỗ trợ được tính bằng 30% của tỷ lệ thiệt hại nhân với giá trị của máy tàu mua mới được xác định theo Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 50.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

Các hộ gia đình, cá nhân có tàu bị thiệt hại do thiên tai gây ra sẽ được xem xét hỗ trợ kinh phí để khôi phục sản xuất căn cứ vào giá trị phần vỏ tàu (thân tàu), máy tàu với công suất, thiết kế (kích thước, tải trọng), xuất xứ (nơi sản xuất, nhãn hiệu) được ghi trên giấy xác nhận (hoặc giấy chứng nhận) đăng ký tàu cá và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đã bị thiệt hại. Trường hợp phần vỏ tàu (thân tàu), máy tàu có công suất, thiết kế, xuất xứ không thuộc danh mục Bảng giá tính lệ phí trước bạ hiện hành của Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu chịu trách nhiệm xác định mức giá trị của vỏ tàu (thân tàu), máy tàu có công suất, thiết kế, xuất xứ tương đương, phù hợp với thực tế trên giấy xác nhận đăng ký tàu cá và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đã bị thiệt hại.

2. Đối với thiệt hại ngư cụ bị mất toàn bộ hoặc hư hỏng nặng, không thể khắc phục: số tiền hỗ trợ được tính bằng 50% giá trị của ngư cụ mua mới được thanh toán theo hóa đơn, chứng từ thực tế, thay thế số ngư cụ bị mất hoặc hư hỏng. Số tiền hỗ trợ tối đa được hưởng không quá 50.000.000 đồng đối với tàu dưới 15m và tối đa không quá 100.000.000 đồng đối với tàu từ 15m trở lên.

3. Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu chịu trách nhiệm xác định mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với tàu cá, ngư cụ.

4. Đối với tàu cá có mua bảo hiểm thì áp dụng chính sách và mức bồi thường theo hợp đồng đã ký với đơn vị bảo hiểm.

Điều 7. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí chi hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai gây ra theo quy định tại Chương II Quy định này bao gồm:

1. Dự phòng ngân sách của địa phương.

2. Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố phân bổ cho Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 63/2025/NĐ-CP và Điều 18 Nghị định số 53/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai.

3. Đóng góp, tài trợ, viện trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài và các nguồn hợp pháp khác.

Trường hợp các nguồn kinh phí của địa phương có khó khăn, không đủ kinh phí thực hiện, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để được xem xét, giải quyết.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Là cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu thống kê, tổng hợp tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra trên địa bàn Thành phố.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành Thành phố thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ của địa phương có cá nhân, hộ gia đình, tổ chức bị thiệt hại do thiên tai gây ra đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định, tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 9. Sở Y tế

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ban, ngành Thành phố, địa phương kiểm tra, rà soát và tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định hỗ trợ đối với đối tượng bị thiệt hại do thiên tai được quy định tại Chương III Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Điều 10. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp ngân sách để triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định; hướng dẫn sở, ngành, đơn vị Thành phố, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu trình tự, thủ tục, quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 11. Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu

1. Huy động lực lượng xung kích phòng chống thiên tai, các đoàn thể và tình nguyện viên tại địa phương để thực hiện tốt công tác khắc phục hậu quả thiên tai; phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương tổ chức thăm hỏi, động viên, hỗ trợ, giúp đỡ các hộ gia đình, cá nhân bị thiệt hại do thiên tai sớm ổn định cuộc sống, sinh hoạt và sản xuất.

2. Thực hiện việc thống kê, kiểm kê, đánh giá chính xác mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ, đảm bảo hỗ trợ kịp thời, đúng chính sách và mức hỗ trợ theo quy định, cụ thể:

a) Tổ chức kiểm tra, thẩm định, quyết định hỗ trợ sau thiên tai:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu thành lập Tổ kiểm tra, bao gồm: đại diện Ủy ban nhân dân, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương, Trưởng ấp - khu phố. Tùy thực tế tình hình ảnh hưởng của thiên tai đến ngành, lĩnh vực nào, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu quyết định bổ sung thành viên Tổ kiểm tra cho phù hợp với tình hình thực tế. Tổ kiểm tra thực hiện thống kê, đánh giá, xác minh mức độ thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ thiệt hại báo cáo Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu xem xét.

Trên cơ sở báo cáo của Tổ kiểm tra, Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu tổ chức thẩm định, quyết định hỗ trợ theo thẩm quyền hoặc tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định hỗ trợ theo quy định.

b) Tổng hợp, kiểm kê, đánh giá, định giá thiệt hại thực hiện theo Thông tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra. Trình tự thủ tục hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành các cấp và theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Đối với nhà ở của người dân bị thiệt hại phải thống kê rõ họ tên chủ hộ, địa chỉ, nhân khẩu, kết cấu nhà; phải ghi rõ mức độ thiệt hại như nhà đổ, sập hoàn toàn, nhà hư hỏng nặng không ở được; đồng thời xác định nguồn gốc pháp lý rõ ràng của nhà ở bị thiệt hại.

Đối với tàu cá bị chìm, hư hỏng phải thống kê rõ chủ phương tiện, số hiệu, kích thước, tải trọng, công suất máy, ngư cụ, vị trí khu vực bị chìm; phải ghi rõ mức độ thiệt hại như bị mất, chìm, hư hỏng nặng, hư hỏng một phần cụ thể theo tỷ lệ % thiệt hại.

c) Thời gian tổ chức đánh giá, thẩm định thiệt hại, tổng hợp, báo cáo và đề xuất hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ khi thiên tai kết thúc. Đối với thiên tai xảy ra trên diện rộng, gây thiệt hại lớn thì thời gian được kéo dài nhưng không quá 15 ngày làm việc.

3. Sử dụng kinh phí hỗ trợ sửa chữa nhà ở, tàu cá, ngư cụ để khôi phục đời sống, sinh hoạt, sản xuất đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng, không để thất thoát lãng phí và xảy ra tiêu cực; công khai chính sách, mức hỗ trợ, danh sách hỗ trợ trên Cổng thông tin điện tử, phương tiện truyền thông và niêm yết tại trụ sở của Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu theo đúng quy định của pháp luật.

4. Chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách địa phương, Quỹ Phòng, chống thiên tai Thành phố phân bổ cho địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện hỗ trợ thiệt hại do thiên tai; kịp thời tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố hỗ trợ kinh phí nếu các nguồn kinh phí của địa phương không đảm bảo.

5. Kết thúc đợt thiên tai, các địa phương tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Y tế và Sở Tài chính kết quả thực hiện hỗ trợ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 12. Thông tin, báo cáo

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân phường, xã, đặc khu kịp thời báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.